

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28 – 02 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị Hải và bà Ksor H'Qúa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 99/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thụy M, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Duy T, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Ngô Thụy M trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh Phạm Duy T đã tìm hiểu và lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 08/6/2016. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ những chuyện nhỏ nhặt, vợ chồng không cùng chung tiếng nói, từ đó vợ chồng không

còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay tôi xin được ly hôn với anh Phạm Duy T theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Phạm Ngô Thủy T1, sinh ngày 11/01/2015. Sau khi ly hôn con chung sẽ do tôi trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng*: Tôi không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Phạm Duy T trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến, trình bày gửi cho Tòa án nên không có quan điểm gì.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm:

Về hôn nhân: Chị M và anh T đã tìm hiểu và lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã I, huyện K, Gia Lai vào ngày 08/6/2016. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Đối với anh T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ lời khai, chứng cứ gì trong hồ sơ, do vậy không có cơ sở để xem xét.

Căn cứ vào văn bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T tại thôn M, xã C, thì thấy vợ chồng chị M và anh T trong quá trình chung sống với nhau có mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chị M yêu cầu ly hôn với anh T trước pháp luật là phù hợp với quy định tại 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung là Phạm Ngô Thủy T1, sinh ngày 01/01/2015. Khi ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con. Hiện nay con chung đang được chị M nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo về mọi mặt cho con.

Đối với anh T không có ý kiến gì về con chung nên không có cơ sở để xem xét.

Xét nguyện vọng của con trên 7 tuổi là Phạm Ngô Thủy T1, thì cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ là chị M. Do vậy việc giao con chung cho chị M là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết:

Từ các phân tích nêu trên, căn cứ các Điều 28, 35 BLTTDS năm 2015; Điều 9, 51, 53, 56, 58, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về hôn nhân: Chị Ngô Thụy M và anh Phạm Duy T được ly hôn trước pháp luật.

Về con chung: Giao con chung Phạm Ngô Thủy T1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không có xem xét.

Về án phí ly hôn: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị M phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS và nguyên đơn chị Ngô Thị M1 khởi kiện bị đơn anh Phạm Duy T có nơi cư trú xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Krông Pa thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh Phạm Duy T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS. HĐXX chỉ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ

sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân:

Chị Ngô Thị M1 và anh Phạm Duy T có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08/6/2016 tại UBND xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Do đó hôn nhân giữa chị Ngô Thị M1 và anh Phạm Duy T là hợp pháp.

Chị M1 cho rằng trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau cuộc sống gia đình phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp nhau về mọi mặt, không có cùng quan điểm sống, không cùng chí hướng để xây dựng hạnh phúc. Hiện chị M1 và anh T không còn chung sống với nhau. Tại Biên bản làm việc ngày 13/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pa về tình trạng vợ chồng mâu thuẫn không còn tình cảm được thôn trưởng và chính quyền địa phương xác nhận thì vợ chồng chị M1, anh T có nhiều mâu thuẫn, cãi vã hiện đã sống ly thân từ lâu.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị M1, anh T đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng gia đình nữa, đã sống ly thân nên yêu cầu ly hôn của chị M1 là chính đáng và có cơ sở. Do đó, HĐXX cần cho chị M1 được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của LHNGĐ.

[4] Về nuôi con:

Vợ chồng chị M1, anh T có 01 con chung là Phạm Ngô Thủy T1, sinh ngày 11/01/2015. Chị M1 có nguyện vọng nuôi con chung. Còn anh T không có ý kiến gì.

Tòa án cũng lấy ý kiến của con trên 07 tuổi là cháu Phạm Ngô Thủy T1, thì cháu T1 có nguyện vọng được ở với mẹ là chị M1 khi chị M1 và anh T ly hôn. Do đó, HĐXX thấy cần thiết giao cháu Phạm Ngô Thủy T1 cho chị M1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt, thì chị M1 không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản:

Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị M1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chị Ngô Thụy M được ly hôn với anh Phạm Duy T trước pháp luật.

2. Về con chung:

Giao con chung chưa thành niên là Phạm Ngô Thủy T1, sinh ngày 11/01/2015 cho chị Ngô Thụy M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Phạm Duy T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Ngô Thụy M.

Sau khi ly hôn anh Phạm Duy T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh Phạm Duy T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con là chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị Ngô Thụy M cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh Phạm Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản:

Các đương sự không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về án phí:

Chị Ngô Thụy M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004356 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Ngô Thụy M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Ngô Thụy M và bị đơn anh Phạm Duy T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND t. Gia Lai;
- VKSND h. K;
- Chi cục THADS h. K;
- UBND xã I;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn